BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2888 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm và Danh mục các sản phẩm cơ khí trọng điểm, Danh mục dự án đầu tư sản xuất sản phẩm cơ khí trọng điểm giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015;

Thực hiện công văn số 2959/VPCP-KTN ngày 24 tháng 4 năm 2008 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Công nghiệp nặng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ phù hợp với Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam, ưu tiên trước hết cho phát triển các ngành điện, xi măng, alumina-nhôm và tham gia chế tạo thiết bị cấp, thoát nước;

b) Phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ ổn định, bền vững, với công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường;

c) Gắn kết chặt chẽ việc phát triển ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ với phát triển kinh tế-xã hội của cả nước, của các địa phương với phát triển công nghiệp quốc phòng.

2. Mục tiêu phát triển

a) Đến năm 2025 đủ năng lực chế tạo đến 80% số lượng thiết bị đồng bộ của các phân ngành thuỷ điện, nhiệt điện, xi măng và alumina-nhôm;

b) Đến năm 2025 các dây chuyền thiết bị đồng bộ sản xuất trong nước đạt chất lượng và tính hiện đại về công nghệ tương đương với các dây chuyền tiên tiến trong khu vực với giá cạnh tranh;

c) Tham gia xuất khẩu thiết bị đồng bộ trên cơ sở tận dụng lợi thế về vị trí địa lý và phân công hợp tác quốc tế trong quá trình nhận chuyển giao công nghệ. Phấn đấu tổng kim ngạch xuất khẩu thiết bị đồng bộ đạt khoảng 2,5 tỷ USD giai đoạn đến năm 2015, khoảng 10 tỷ USD giai đoạn 2016-2025.

3. Định hướng phát triển

a) Về tư vấn thiết kế: phát triển các tổ chức tư vấn trên cơ sở kết hợp lực lượng tư vấn chuyên ngành với tư vấn công nghệ chế tạo, có khả năng thực hiện toàn bộ công việc tư vấn thiết kế và quản lý dự án. Xây dựng một số viện nghiên cứu có khả năng đảm nhận công việc tổng thầu thiết kế trong một số chuyên ngành;

b) Về đầu tư: ở miền Bắc đầu tư chế tạo thiết bị đồng bộ cho ngành xi măng, nhiệt điện, thuỷ điện; miền Trung đầu tư chế tạo thiết bị đồng bộ cho ngành alumina-nhôm, thủy điện và một số thiết bị cho điện hạt nhân, nhiệt điện và lọc hóa dầu; miền Nam đầu tư vào chế tạo thiết bị đồng bộ cho ngành hoá dầu, nhiệt điện. Đầu tư mới và đầu tư chiều sâu với công nghệ tiên tiến để chế tạo thiết bị đồng bộ đáp ứng khoảng 35% nhu cầu nội địa vào năm 2015; 80% nhu cầu vào năm 2025;

c) Về tự động hoá: nâng cao năng lực của các đơn vị trong nước để từng bước ứng dụng và làm chủ công nghệ điều khiển, tự động hoá trong việc chế tạo các dây chuyền thiết bị đồng bộ tại Việt Nam;

d) Phát triển cơ sở sản xuất nguyên liệu: tập trung đầu tư đảm bảo cung cấp đủ về chủng loại và số lượng một số nguyên liệu chính cho ngành sản xuất thiết bị đồng bộ với giá thành cạnh tranh;

đ) Phát triển các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho chế tạo các dây chuyền thiết bị đồng bộ tại Việt Nam. Phấn đấu đến năm 2025 đạt tỷ lệ nội địa hoá đến 80% về giá trị các dây chuyền thiết bị đồng bộ do trong nước chế tạo.

4. Quy hoạch phát triển

a) Về tư vấn thiết kế: đến năm 2025 các đơn vị tư vấn thiết kế trong nước làm chủ công nghệ, thiết kế chế tạo cho các dây chuyền thiết bị đồng bộ của các ngành thuỷ điện, nhiệt điện, xi măng, alumina-nhôm;

b) Quy hoạch phát triển sản phẩm và các dự án đầu tư:

- Đến 2025 đáp ứng đến 80% nhu cầu trong nước về số lượng thiết bị đồng bộ, làm chủ công nghệ, thiết kế chế tạo thiết bị đồng bộ cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng và alumina-nhôm; 60% nhu cầu về số lượng thiết bị tiêu chuẩn; 100% nhu cầu về số lượng các thiết bị phi tiêu chuẩn và kết cấu thép.

- Tập trung sản xuất các sản phẩm chủ yếu trong dây chuyền thiết bị đồng bộ của các ngành thuỷ điện, nhiệt điện, xi măng và alumina-nhôm:

+ Ngành thuỷ điện sản xuất các sản phẩm: Tuabin thủy điện; Máy phát thủy điện; Hệ thống điều khiển tự động; Trạm máy biến áp công suất lớn; Thiết bị cơ khí thuỷ công; Cầu trục chân dê và trung gian đến 500T; Cầu trục gian máy sức nâng đến 800 T; Hệ thống thiết bị làm mát.

+ Ngành nhiệt điện sản xuất các sản phẩm: Máy rải liệu; Máy dỡ liệu; Lò hơi; Máy nghiền than; Máy phát; Tuabin; Hệ thống điều khiển tự động; Cầu trục các loại; Lọc bụi tĩnh điện; Hệ thống khử lưu huỳnh; Hệ thống vận chuyển.

+ Ngành xi măng sản xuất các sản phẩm: Máy nghiền các loại; Lọc bụi tĩnh điện;Lọc bụi túi các loại; Hệ thống vận chuyển các loại; Hệ thống điều khiển tự động.

+ Ngành alumina-nhôm sản xuất : Máy sàng; Máy rửa; Máy nghiền đập; Máy vận chuyển các loại; Máy rải liệu, dỡ liệu; Máy đóng bao; Thiết bị kết tinh; Thiết bị hoà tách.

- Quy hoạch các sản phẩm thiết bị đồng bộ chủ yếu (theo khối lượng) cho 4 phân ngành: thủy điện, nhiệt điện, xi măng và alumina-nhôm được trình bày ở Phụ lục 1;

- Quy hoạch các dự án đầu tư sản xuất thiết bị đồng bộ đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 được trình bày ở Phụ lục 2. Trong đó: giai đoạn đến năm 2015 tổng vốn đầu tư cho các dự án đầu tư sản xuất thiết bị đồng bộ là khoảng 700 triệu USD. Giai đoạn 2016-2025 tổng vốn đầu tư cho các dự án khoảng 300 triệu USD. Nguồn vốn gồm vốn FDI, vốn thu được do phát hành cổ phiếu, vốn tín dụng;

c) Về tự động hoá:

- Đến năm 2010 các đơn vị trong nước nghiên cứu, thực hiện tích hợp các phần tử tự động hoá trên cơ sở tiếp nhận thiết kế, công nghệ của nước ngoài.

- Đến năm 2015 các đơn vị trong nước làm chủ việc thiết kế phần mềm, tích hợp hệ thống điều khiển, chuẩn đoán giám sát;

- Đến năm 2025 trong nước làm chủ việc áp dụng công nghệ điều khiển trong việc chế tạo các dây chuyền thiết bị đồng bộ.

d) Phát triển các cơ sở sản xuất nguyên vật liệu: đến năm 2025 các cơ sở sản xuất trong nước đáp ứng trên 80% nhu cầu nguyên vật liệu để chế tạo thiết bị đồng bộ cho các ngành thuỷ điện, nhiệt điện, xi măng và alumina-nhôm tại Việt Nam;

đ) Phát triển sản phẩm công nghiệp hỗ trợ: đến năm 2025 trong nước đáp ứng trên 80% nhu cầu thiết bị, linh kiện, bán thành phẩm để chế tạo các dây

chuyền thiết bị đồng bộ cho các ngành thuỷ điện, nhiệt điện, xi măng và alumina-nhôm tại Việt Nam.

5. Các giải pháp và chính sách

5.1. Các giải pháp:

a) Giải pháp về thị trường

- Áp dụng các quy định phi thuế quan ở mức cao nhất (phù hợp với các cam kết WTO) nhằm bảo hộ hợp lý thị trường cho các doanh nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ trong nước;

- Tạo thị trường trong nước thông qua cơ chế chỉ định thầu chế tạo thiết bị đồng bộ một số dự án cho Tổ hợp liên danh nhà thầu trong nước, đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh hợp lý.

b) Giải pháp về đầu tư

- Đẩy mạnh việc thực hiện đầu tư các dự án trong danh mục quy hoạch, định kỳ rà soát điều chỉnh một số dự án cho phù hợp với thực tế;

- Chủ động đầu tư theo vùng, miền để tạo năng lực cơ bản chế tạo thiết bị đồng bộ: năng lực tạo phôi và chế tạo các chi tiết máy có kích thước lớn, năng lực gia công đạt độ chính xác cao;

- Khuyến khích các doanh nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ trong nước đầu tư vào các khu công nghiệp, tập trung vào các vị trí gần cảng nước sâu, có đường, cầu chịu tải trọng lớn và có không gian thích hợp cho các nhà máy cơ khí nặng. Kết hợp chuyển dịch với đầu tư chiều sâu, nâng cấp, đồng bộ và hiện đại hóa các máy móc, thiết bị.

c) Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Xây dựng, ban hành và áp dụng đồng bộ và các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật cho các loại hàng hoá, các nguyên vật liệu và chi tiết tiêu chuẩn phục vụ cho ngành sản xuất thiết bị đồng bộ, các tiêu chuẩn về tiêu hao năng lượng và bảo vệ môi trường phù hợp với năng lực các nhà chế tạo Việt Nam và tiêu chuẩn quốc tế;

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, chế tạo thiết bị đồng bộ. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cho các nhiệm vụ nghiên cứu thiết kế chế tạo các sản phẩm thiết bị đồng bộ có ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn ngành, có khả năng nhân rộng, cạnh tranh và tham gia xuất khẩu.

d) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Đa dạng hoá chương trình và hình thức đào tạo của các trường nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực của ngành công nghiệp chế tạo thiết bị đồng bộ cả về số lượng và chất lượng;

- Tăng cường cử đi đào tạo, thực tập ở nước ngoài về tư vấn, thiết kế các thiết bị trong các dây chuyền thiết bị đồng bộ, về tự động hóa và chức danh kỹ sư trưởng, tổng công trình sư, giám đốc dự án;

- Xây dựng tiêu chuẩn kỹ sư trưởng, tổng công trình sư và các chế độ chính sách kèm theo. Tăng cường thu hút lao động chất lượng cao nước ngoài làm việc lâu dài tại các doanh nghiệp trong nước.

đ) Giải pháp trợ giúp

Tăng cường vai trò và hoạt động của các hiệp hội ngành hàng để củng cố quan hệ liên kết giữa các doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm phân tích các thông tin về thị trường, về công nghệ mới và thu hút đầu tư.

5.2.. Các chính sách

Các dự án sản xuất thiết bị đồng bộ được ưu tiên xem xét, áp dụng các cơ chế ưu đãi theo Quyết định số 10/2009/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ để phát triển các sản phẩm cơ khí trọng điểm và các chính sách ưu đãi có liên quan hiện hành.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm công bố Quy hoạch, chỉ đạo và kiểm tra việc phát triển ngành chế tạo thiết bị đồng bộ theo Quy hoạch được duyệt;

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Tài nguyên và Môi trường; Giáo dục và Đào tạo; Quốc phòng theo chức năng của mình, phối hợp với Bộ Công Thương cụ thể hoá cơ chế, chính sách phát triển ngành chế tạo thiết bị đồng bộ nêu trong Quyết định này để triển khai thực hiện Quy hoạch.

3. UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở Quy hoạch được duyệt, có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để các dự án, chương trình phát triển của ngành chế tạo thiết bị đồng bộ được thực hiện đồng bộ và phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Các Hiệp hội ngành nghề phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức phổ biến Quy hoạch bằng các hình thức: tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp ngành chế tạo thiết bị đồng bộ trong cả nước để có định hướng và kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Hiệp hội Công nghiệp kỹ thuật điện Việt Nam;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Vụ, Cục, Viện CL thuộc Bộ CT;
- Lưu: VT, CNNg (5 bản).

BỘ TRƯỞNG

Vũ Huy Hoàng

PHỤ LỤC 1
QUY HOẠCH SẢN PHẨM CHỦ YẾU

(kèm theo Quyết định số 2888 /QĐ-BCT, ngày 08 tháng 6 năm 2009)

Ngành thuỷ điện
(cho nhà máy công suất nhỏ và vừa)

Tên thiết bị	Đơn vị	đến năm 2015	2016-2025
Tuabin thủy điện	cái	50	100
Máy phát thủy điện	cái	50	100
Hệ thống điều khiển tự động	cái	150	42
Trạm máy biến áp công suất lớn	cái	80	42
Thiết bị cơ khí thuỷ công	hệ thống	116	42
Cầu trục chân dê và trung gian đến 500T	cái	300	130
Cầu trục gian máy sức nâng đến 800 T	cái	116	42
Hệ thống thiết bị làm mát	cái	116	42

Ngành nhiệt điện
(cho nhà máy công suất 100-600MW)

Tên thiết bị	Đơn vị	đến năm 2015	2016-2025
Máy rải liệu	cái	30	97
Máy dỡ liệu	cái	30	97
Lò hơi	cái	3	97
Máy nghiền than	cái	15	121
Máy phát	cái	10	97
Tuabin	cái	10	97
Hệ thống điều khiển tự động	hệ thống	10	121
Cầu trục các loại	cái	120	1200
Lọc bụi tĩnh điện	cái	30	121
Hệ thống khử lưu huỳnh	cái	30	121
Hệ thống vận chuyển	cái	800	1500

Ngành xi măng

(cho dây chuyền 1,4 triệu tấn/năm)

Tên thiết bị	Đơn vị	đến năm 2015	2016-2025
Máy nghiền các loại (nghiền liệu công suất 175tấn/giờ, nghiền than 15-20 tấn/giờ, nghiền xi măng 150tấn/giờ…)	cái	100	100
Lọc bụi tĩnh điện (Q:315.000, 480.000 m^3/giờ)	cái	32	32
Lọc bụi túi các loại	cái	600	600
Hệ thống vận chuyển các loại	cái	400	400
Hệ thống điều khiển tự động	hệ thống	16	16

Ngành Alumina-nhôm

(cho dây chuyền 100 – 600 ngàn tấn/năm)

Tên thiết bị	Đơn vị	đến năm 2015	2016-2025
Máy sàng (200 tấn/giờ)	cái	128	176
Máy rửa (200 tấn/giờ)	cái	64	88
Máy nghiền đập các loại (200tấn/giờ)	cái	100	180
Máy vận chuyển các loại (800 tấn/giờ)	cái	376	518
Máy rải liệu, dỡ liệu (800 tấn/giờ)	cái	16	22
Máy đóng bao (100 tấn/giờ)	cái	28	40
Thiết bị kết tinh (Φ 14 x 32m)	cái	168	231
Thiết bị hoà tách Φ4x24m, P 7kg/cm^2)	cái	96	132
Cầu trục các loại (5-50 tấn)	cái	100	150
Máy khuấy các loại (2-20kW)	cái	480	660
Thiết trao đổi nhiệt (dạng ống và tấm)	cái	320	440
Thiết bị cô đặc (240 tấn/giờ)		264	363
Thiết bị nung (900 tấn/ngày)	cái	8	12
Bơm các loại (50 - 800m^3/giờ)	cái	2400	3300
Van các loại (Φ 20 – 400)	cái	4800	6600
Nhà máy điện chạy than 30 MW	cái	8	12
Hệ thống điều khiển DCS	hệ thống	5	10

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(kèm theo Quyết định số 2888/QĐ-BCT ngày 08 tháng 6 năm 2009)

TT	Tên dự án	Công suất (tấn/năm)	Tổng mức đầu tư (triệu USD)		Địa điểm đầu tư	Thời gian dự kiến
			Tới 2015	2016-2025		
1	Nhà máy cơ khí nặng số 1	30.000 Đầu tư mới	210	170	Hải Phòng, Quảng Ninh	2009-2016
3	Nhà máy cơ khí do HAMECO chuyển dịch	20.000	45		Bắc Ninh	2009-2012
3	Nhà máy kết cấu thép (2 nhà máy sản lượng 10.000 - 30.000 tấn/năm)	10.000-30.000 Đầu tư mở rộng	15		Miền Bắc	2009-2012
4	Nhà máy kết cấu thép (2 nhà máy sản lượng 10.000 -30.000 tấn/năm)	10.000-30.000 Đầu tư mở rộng	15		Miền Nam	2009-2011
5	Nhà máy kết cấu thép (2 nhà máy 5.000-10.000 tấn/năm	5.000-10.000 Đầu tư mới	10		Miền Trung	2009-2013
8	Nhà máy kết cấu thép công suất nhỏ (5-7 nhà máy 2000.5000 tấn/năm)	2.000-5.000 Đầu tư mới	5	10	Các miền	2010-2018
7	Nhà máy chế tạo máy biến áp (02 nhà máy sản lượng 100-200 máy/ năm)	10.000 Đầu tư mở rộng	40		Hà Nội, Bắc Ninh	2008-2012

8	Nhà máy chế tạo bơm, quạt	15.000 Đầu tư mở rộng	20		Hải Dương	2010-2015
9	Nhà máy chế tạo van	10.000 Đầu tư mới	20		Hải Dương	2010-2015
10	Nhà máy chế tạo quạt công nghiệp	7.000 Đầu tư mới	15		Hưng Yên, Hà nội	2010-2015
11	Nhà máy chế tạo xích công nghiệp	2.000 Đầu tư mở rộng	15		Đông Anh Hà nội	2012-2015
12	Nhà máy chế tạo bu lông, đai ốc.	3.000 Đầu tư mở rộng	15		Hà Nội	2010-2012
13	Nhà máy chế tạo động cơ điện	2.000 Đầu tư mở rộng	25		Hà Nội	2010-2015
14	Nhà máy chế tạo hộp giảm tốc	2.000 Đầu tư mở rộng	20		Hải Phòng	2010-2015
15	Nhà máy chế tạo thiết bị thuỷ lực	2.000 Đầu tư mới	20		Hà Nội	2012-2015
16	Nhà máy chế tạo vòng bi, khớp nối, phanh...	1.000 Đầu tư mới	20		Thanh Hóa, Nghệ An	2012-2015
17	Nhà máy cơ khí nặng số 3	30.000 Đầu tư mới	250		Dung Quất	2008-2012
19	Nhà máy kết cấu thép (2-3 nhà máy)	30.000-50.000 Đầu tư mới		45	Miền Bắc	2018-2023
20	Nhà máy kết cấu thép (2-3 nhà máy)	30.000-50.000 Đầu tư mới		45	Miền Nam	1017-2022

21	Nhà máy kết cấu thép (2 nhà máy)	20.000-30.000 Đầu tư mới		30	Miền Trung	2020-2025
Vốn đầu tư các giai đoạn (Tr. USD)			**700**	**300**		